



Thanh Hóa, ngày 13 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2015
(Tài liệu phục vụ kỳ họp thứ 13 HĐND tỉnh khóa XVI)

Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước 6 tháng đầu năm tiếp tục ổn định, duy trì mức tăng trưởng khá. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn tồn tại một số khó khăn thách thức như tỷ giá đồng tiền biến động, giá dầu thô diễn biến khó lường, cân đối ngân sách vẫn đứng trước nhiều khó khăn.

Thực hiện Chỉ thị 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – NSNN năm 2015, UBND tỉnh đã ban hành các chỉ đạo về tăng cường điều hành dự toán thu, chi NSNN năm 2015, bám sát, triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

Qua điều hành công tác tài chính - ngân sách 6 tháng đầu năm, cho thấy dự toán thu ngân sách đạt khá so với cùng kỳ, các nhiệm vụ chi ngân sách những tháng đầu năm được đảm bảo theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện; thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn và đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

A. THU NSNN, CHI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015:

I. Kết quả thu NSNN trên địa bàn:

Dự toán thu NSNN năm 2015 là: 7.003.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng 5.396.448 triệu đồng, đạt 77% DT giao, bằng 147% so với cùng kỳ.

1. Các khoản thu từ hoạt động Xuất nhập khẩu: Dự toán giao 490.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng 850.000 triệu đồng, đạt 173% DT tính giao và bằng 381% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thu tăng cao so với dự toán năm là do chủ yếu thu từ thuế GTGT máy móc nhập khẩu thuộc dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn. Khoản thu này NSDP không được hưởng (điều tiết 100% về NSTW)

2. Thu nội địa: Dự toán thu 2015 là 6.513.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 4.546.448 triệu đồng, đạt 70 % dự toán và bằng 132% so với cùng kỳ.

a. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán thu 2015: 1.000.000 triệu đồng, thu 6 tháng là 1.400.000 triệu đồng, đạt 140% dự toán, bằng 167% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thu lĩnh vực này tăng cao so với dự toán năm chủ yếu là do các huyện đã tích cực khai thác quỹ đất để xử lý nợ đọng XDCB và chi đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, ghi thu tiền thuê đất, ghi chi tiền bồi thường GPMB của các dự án phát sinh trong năm 2014 còn tồn đọng được đôn đốc thực hiện trong năm 2015. Phần điều tiết NS tinh sau khi loại trừ số ghi thu ghi chi GPMB và đầu tư hạ tầng thì số thực thu vào ngân sách là 32.378 triệu đồng, đạt 20% dự toán.

b. Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất: Dự toán giao thu 5.513.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 3.146.448 triệu đồng, đạt 57% DT tinh giao và bằng 120% so với cùng kỳ;

Kết quả thu ở một số lĩnh vực thu chủ yếu như sau:

- Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 6 tháng 998.399 triệu đồng, đạt 59% dự toán tinh giao, bằng 107% so với cùng kỳ.

Trong đó:

+ Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đà Loan: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 38.188 tấn, đạt 52% KH năm và bằng 95,2% cùng kỳ; nộp NS là 15.510 triệu đồng, đạt 40,8% DT năm và bằng 102,8% so với cùng kỳ.

+ Công ty xi măng Nghi Sơn: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 2.055 ngàn tấn, đạt 48,9% KH năm, bằng 93,3% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 103.240 triệu đồng, đạt 54,9% DT năm và bằng 76,7% so với cùng kỳ.

- Thu thuế Công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 6 tháng 556.291 triệu đồng, đạt 54% dự toán tinh giao, bằng 119% so với cùng kỳ.

- Thu từ DN nhà nước TW: Ước thực hiện 6 tháng 662.203 triệu đồng, đạt 46% dự toán tinh giao, bằng 109% so với cùng kỳ.

Trong đó:

+ Công ty TNHH 1 TV thuốc lá Thanh Hóa: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 44.213 triệu bao, đạt 44,2% KH năm và bằng 106% so với cùng kỳ; 6 tháng nộp NS được 157.421 triệu đồng, đạt 40,4% DT năm và bằng 80,6% so cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt thấp là do sản lượng tiêu thụ tuy dự kiến đạt kế hoạch năm nhưng lại giảm 1 triệu bao thuốc lá có giá trị cao (Vinataba và Mild seven & Lights) và tăng sản lượng tiêu thụ thuốc lá có giá trị thấp.

+ Công ty cổ phần bia Thanh Hóa: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng là 29,8 triệu lít, đạt 50,5% KH năm và bằng 89,7% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 125.376 triệu đồng, đạt 43,2% DT năm và bằng 108,2% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do sản lượng gia công bia lon Hà Nội bị cắt giảm (dự kiến cắt giảm 7,5 triệu lít) do Tổng công ty rượu bia Hà Nội đầu tư mới dây chuyền sản xuất bia lon ở các địa phương khác để cạnh tranh với TCT Rượu - Bia - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO).

+ Công ty CP mía đường Lam Sơn: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 43,5 nghìn tấn, đạt 41,5% KH năm và bằng 77,9% so với cùng kỳ; nộp NS là 24.761 triệu đồng, đạt 36,4% DT năm và bằng 76,2% so với cùng kỳ. Nguyên nhân nộp NSNN thấp là do sản lượng tiêu thụ và giá bán giảm so với KH năm.

+ Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn: Ước sản lượng tiêu thụ 6 tháng được 1.951 nghìn tấn, đạt 47,7% KH năm và bằng 92,1% so với cùng kỳ; nộp ngân sách là 87.764 triệu đồng, đạt 85,2% DT năm.

- Thu từ DN nhà nước ĐP: Ước thực hiện 6 tháng 71.672 triệu đồng, đạt 45% dự toán tình giao, bằng 93% so với cùng kỳ.

(Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo)

3. Tình hình thu ngân sách ở các huyện:

Tổng thu 6 tháng khối huyện ước thực hiện 2.221.064 triệu đồng, bằng 92% DT năm. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất đạt 821.064 triệu đồng, bằng 57% dự toán. Có 22/27 huyện tiến độ thu cân đối đạt trên 50% so với dự toán năm, điển hình là: Hà Trung (112%), Quan Sơn (99%), Hậu Lộc (72%), Triệu Sơn (70%), Bim Sơn (68%), ...; 5/27 huyện đạt dưới 50%, là các huyện: TP Thanh Hóa (49%), Yên Định (49%), Thiệu Hóa (48%), Thọ Xuân (47%), Thị xã Sầm Sơn (44%).

(Chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo)

II. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách:

1. Nguyên nhân ảnh hưởng tích cực đến thu NSNN:

Một là, Công tác thu NSNN được cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm chỉ đạo, kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; nhiều dự án lớn đã đi vào hoạt động phục vụ Năm du lịch Quốc gia năm 2015 cũng như khí thế thi đua sôi nổi lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp tạo tiền đề tăng trưởng kinh tế, có những tác động tích cực đến nguồn thu, các lĩnh vực thu tăng cao so với cùng kỳ.

Hai là, do kết quả của quá trình thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế: Việc tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động, xúc tiến đầu tư và các hoạt động kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư vào đã ảnh hưởng tích cực đến thu NSNN:

- Tổ hợp nhà thầu JGCS (nhà thầu chính thực hiện gói thầu EPC dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn) nộp NS 674 tỷ đồng. Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn nộp thay nhà thầu 46,2 tỷ đồng;...

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 6 tháng 56.315 triệu đồng, đạt 141% dự toán tình giao, bằng 324% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng cao là do các doanh nghiệp nộp tiền thuê đất 1 lần (Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Thanh Hóa: 20 tỷ đồng, Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Quảng Xương: 9 tỷ đồng...)

- Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 6 tháng 234.981 triệu đồng, đạt 94% dự toán tình giao, bằng 173% so với cùng kỳ.

Ba là, Thị trường bất động sản có dấu hiệu ảm trở lại. UBND các cấp rà soát, đôn đốc quyết liệt thu hồi nợ đọng; cho vay từ nguồn Quỹ phát triển đất để triển khai tích cực GPMB, đầu tư hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ đầu tư những dự án đấu thầu, đấu giá quyền SDD; chủ động áp dụng nhiều hình thức đấu giá thích hợp để huy động kịp thời vào ngân sách nhà nước, nên tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ tăng cao so với cùng kỳ. (Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 6 tháng 207.131 triệu đồng, đạt 64% dự toán tính giao, bằng 145% so với cùng kỳ).

Bốn là, Nghị Quyết số 888a/2015/UBTVQH 13 ngày 10/3/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/05/2015, điều chỉnh mức thu thuế Bảo vệ môi trường đối với một số mặt hàng xăng dầu. Việc tăng thuế suất các mặt hàng này góp phần làm tăng thu ngân sách một cách đáng kể.

- Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 6 tháng 154.091 triệu đồng, đạt 103% dự toán tính giao, bằng 214% so với cùng kỳ. Ngoài lý do tăng thuế suất một số mặt hàng xăng dầu nêu trên, nguyên nhân thu tăng cao là do sát nhập 2 doanh nghiệp PVoil với Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư Pertec. Sau khi sát nhập được Công ty mẹ ủy quyền cho kê khai nộp thuế BVMT tại Thanh Hóa.

2. Các nguyên nhân tác động làm giảm thu ngân sách:

Một là, Tình hình SXKD nói chung của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn; Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 tăng 0,13% so với tháng trước và tăng 0,05% so với tháng 12/2014; lãi suất ngân hàng giảm và duy trì ở mức thấp, nhưng doanh nghiệp không đủ điều kiện vay vốn hoặc vướng mắc trong định giá thế chấp tài sản. Dự nợ tín dụng tăng 7,5% so với đầu năm, vốn huy động tăng 8,6% so với đầu năm.

Hai là, Nhiều dự án có sử dụng đất quy mô lớn, nhu cầu vốn lớn, nhà đầu tư chưa triển khai. Số dự án đấu thầu có sử dụng đất đã được phê duyệt lựa chọn nhà thầu đầu tư là 21 dự án, nhưng do phải bỏ kinh phí GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng lớn, một số dự án điều chỉnh lại quy hoạch, nhiều nhà đầu tư năng lực và khả năng tài chính còn hạn chế nên chưa thu được tiền sử dụng đất.

Ba là, Chính sách ảnh hưởng đến thu NSNN:

Một số Văn bản Pháp luật của Trung ương bắt đầu có hiệu lực thi hành từ 1/1/2015 đã ảnh hưởng tới việc thu Ngân sách nhà nước như:

- Luật số 71/2014/QH 13, bổ sung một số mặt hàng không chịu thuế GTGT như: Phân bón, tàu đánh bắt xa bờ...; bổ sung một số đối tượng được hưởng ưu đãi thuế TNDN trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn....

- Thông tư số 26/2015/TT-BTC bổ sung quy định thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu thì khi xuất khẩu không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Tình hình trên cho thấy, 6 tháng đầu năm, thu ngân sách đạt khá chủ yếu thu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các nhà thầu hoạt động tại khu kinh tế Nghi Sơn và do thay đổi chính sách thuế; thu từ kết quả sản xuất

kinh doanh trong tình có chuyển biến nhưng chưa vững chắc; chỉ số giá tăng chậm, sức mua giảm;... là những khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ dự toán 6 tháng cuối năm.

IV. Về chi NSDP:

1. Tình hình thực hiện:

Tổng chi NSDP ước thực hiện 6 tháng là 11.084.751 triệu đồng, đạt 55% so với dự toán và bằng 50% so với tổng nguồn. Ước thực hiện cả năm là 21.480.460 triệu đồng, đạt 106% dự toán giao (tăng 6% do thực hiện các chính sách chế độ mới).

Chi tiết từng lĩnh vực như sau:

1.1. Chi đầu tư XDCCB: Ước thực hiện 6 tháng là 1.779.953 triệu đồng, đạt 58% DT giao.

1.2. Chi chương trình mục tiêu quốc gia, các nhiệm vụ TW bổ sung ước thực hiện 6 tháng là 450.198 triệu đồng bằng 40,2% so với dự toán. Nguyên nhân đạt thấp là do CTMTQG vốn sự nghiệp cuối tháng 4 mới có quyết định phân bổ, nên tiến độ giải ngân chậm.

1.3. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 6 tháng là 8.788.239 triệu đồng, đạt 56% dự toán. Trong đó :

- Chi sự nghiệp kinh tế ước thực hiện 949.939 triệu đồng, đạt 63% DT,
- Chi SN Môi trường ước thực hiện 147.677 triệu đồng, đạt 51% DT.
- Chi SN Giáo dục ĐT ước thực hiện 3.931.883 triệu đồng, đạt 54% DT.
- Chi sự nghiệp Y tế ước thực hiện 801.246 triệu đồng, đạt 53% DT.
- Chi sự nghiệp KH-CN ước thực hiện 20.694 triệu đồng, đạt 45% DT.
- Chi sự nghiệp VH-TT ước thực hiện 105.520 triệu đồng, đạt 55% DT.
- Chi sự nghiệp TDTT ước thực hiện 41.154 triệu đồng, đạt 60% DT.
- Chi sự nghiệp PTHH ước thực hiện 32.133 triệu đồng, đạt 51% DT.
- Chi Đảm bảo XH ước thực hiện 623.238 triệu đồng, đạt 69% dự toán.
- Chi Quản lý hành chính ước thực hiện 1.706.804 triệu đồng, đạt 57 % DT.
- Chi Quốc phòng ước thực hiện 145.794 triệu đồng, đạt 52% dự toán.
- Chi An ninh ước thực hiện 67.853 triệu đồng, đạt 50% dự toán
- Chi khác ngân sách ước thực hiện 13.255 triệu đồng, đạt 46% DT.

1.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3.230 triệu đồng, đạt 100% DT.

(Chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo)

2. Một số kết quả đạt được về chi ngân sách 6 tháng đầu năm:

Chi Ngân sách 6 tháng đầu năm 2015 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, đảm bảo đầy đủ nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi được giao trong dự toán và các nhiệm vụ chi khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền tại địa phương.

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư XDCB đạt khá so với cùng kỳ: Ngay từ đầu năm đã thực hiện phân bổ và thông báo vốn đầu tư XDCB, vốn chương trình mục tiêu quốc gia cho các dự án. Tạo điều kiện cho các Chủ đầu tư có nguồn kinh phí để sớm triển khai thực hiện dự án. Việc phân bổ vốn đã tập trung bố trí để thanh toán nợ đọng XDCB nhằm khắc phục tình trạng nợ XDCB kéo dài. Chỉ khởi công mới các dự án quan trọng. Vì vậy tiến độ giải ngân đã có những chuyển biến tích cực và cao hơn so với cùng kỳ. Cụ thể: giải ngân vốn XDCB tập trung đạt 66% dự toán (331 tỷ đồng). Các nhiệm vụ TW bổ sung có mục tiêu đã giải ngân 725 tỷ đồng, đạt 48% dự toán (1.511 tỷ đồng).

Tăng cường huy động vốn cho đầu tư phát triển: Vay KBNN 200 tỷ đồng, vay NH phát triển 150 tỷ đồng để thực hiện GPMB và đẩy nhanh tiến độ thực hiện cho các dự án: dự án đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa; dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 517 từ Cầu Trâu đến Nưa; dự án hệ thống cấp nước tưới huyện Tĩnh Gia... và cho các huyện vay lại để thực hiện các dự án.

Tích cực triển khai các chính sách phát triển kinh tế, chương trình mục tiêu địa phương (với số tiền 593.802 triệu đồng đạt 72% dự toán) nhằm thúc đẩy sản xuất, đạt được mục tiêu phát huy hiệu quả cao nhất nguồn vốn NSNN đưa dòng tiền vào lưu thông sản xuất, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội...

Kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia đã được giao cho các ngành, đơn vị, chủ đầu tư, tạo sự chủ động và khẩn trương triển khai thực hiện, phần đầu hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn trong năm 2015: Năm 2015 là năm tổng kết, đánh giá các chương trình MTQG, chương trình mục tiêu địa phương giai đoạn 2011-2015 để thực hiện cắt giảm, thu gọn các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020, do đó các Chương trình MTQG được theo dõi, đánh giá một cách sát sao. Tổng số vốn đã giải ngân là: 257.558 triệu đồng, đạt 37% KH vốn năm 2015.

Tập trung đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo: Các chính sách đảm bảo ASXH ngay từ đầu năm đã được tập trung huy động nguồn lực tối đa và bố trí đủ nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán, góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn, thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo.

6 tháng đầu năm đã thực hiện mua đầy đủ thẻ BHYT cho 1.767.769 đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi với kinh phí 929 tỷ đồng, kinh phí bảo trợ XH cho 263.116 đối tượng với kinh phí 1.040 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo vùng ĐBKK cho 220.286 khẩu với kinh phí 20 tỷ đồng, kinh phí tặng quà người có công với Cách mạng nhân dịp tết Ất Mùi cho 103.683 đối tượng với kinh phí 10 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ tiền điện cho 183.922 hộ nghèo, hộ chính sách là 55 tỷ đồng;

Sử dụng có hiệu quả nguồn trái phiếu chính phủ: Đã phân bổ kinh phí hỗ trợ để xây dựng mới và thanh toán khối lượng hoàn thành công trình cho các xã xây dựng nông thôn mới với tổng số tiền là 231 tỷ đồng; Hỗ trợ 255 xã mua xi măng là: 89 tỷ đồng.

Sử dụng dự phòng ngân sách chặt chẽ, đúng qui định: 6 tháng đầu năm, NS các cấp mới chi 47.672 triệu đồng, chiếm 13% dự toán (trong đó, cấp tỉnh chi 18.005 triệu đồng, cấp huyện chi 29.667 triệu đồng) cho các nội dung phòng chống dịch, hỗ trợ rủi ro thiên tai, phòng chống hạn, cháy rừng, bão lụt....

Bên cạnh đó, điều hành ngân sách còn một số tồn tại, bất cập:

Một là, Một số chính sách kinh tế đến nay vẫn chưa đủ điều kiện phân bổ vốn do đơn vị chưa có báo cáo như: Chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu; chính sách phát triển chợ, trung tâm TM, hỗ trợ nông thôn; chính sách phát triển TTCN và ngành nghề; chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào KKT Nghi Sơn và các KCN...

Hai là, Nợ đọng XDCCB các công trình còn lớn. Tổng số nợ đọng XDCCB còn phải xử lý đến ngày 01/01/2015 là 4.439 tỷ đồng. Trong đó: Dự án thực hiện từ nguồn vốn NSNN: 3.142 tỷ đồng; Dự án thuộc vốn TPCP: 288 tỷ đồng. Kế hoạch năm 2015 để thanh toán nợ XDCCB là: 1.895 tỷ đồng, dự kiến kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020 để thanh toán nợ XDCCB là: 2.544 tỷ đồng.

Ba là, Trong 6 tháng đầu năm, công tác hoàn ứng của các chủ đầu tư nhìn chung đã có chiều hướng tích cực, tuy nhiên, số dư tạm ứng mặc dù giảm so với đầu năm nhưng vẫn còn cao. Công tác hoàn ứng đối với những dự án có dư ứng lớn, nhất là các khoản tạm ứng từ năm 2013 trở về trước còn chậm. Lũy kế số dư tạm ứng tính đến ngày 15/06/2015 là 1.251 tỷ đồng, trong đó riêng 34 dự án có số dư vốn tạm ứng từ 5 tỷ đồng trở lên là 1.114 tỷ đồng, chiếm 89% vốn ứng.

Nhìn chung, hoạt động tài chính - ngân sách 6 tháng đã góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, góp phần ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước các cấp; Thực hiện tốt các chính sách của Trung ương và Địa phương ban hành.

B. GIẢI PHÁP HOÀN THÀNH DỰ TOÁN NĂM 2015:

I. Nhiệm vụ thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm:

1. Thu ngân sách nhà nước:

1.1. Nhiệm vụ theo dự toán được giao:

- Thu nội địa:

1.967 tỷ đồng

1.2. Chỉ tiêu phấn đấu: Trên cơ sở tình hình 6 tháng và tình hình thuận lợi ở một số lĩnh vực, phấn đấu thu NS năm 2015 đạt mục tiêu thu 9.156 tỷ đồng (tăng 130% so với dự toán đầu năm). Trong đó tập trung tăng thu ở các lĩnh vực có điều kiện để tăng thu ngân sách như các lĩnh vực: thu từ hoạt động XNK, thu

từ đất, tiền thuê mặt đất mặt nước, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường..., để đảm bảo nguồn cân đối ngân sách và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội mà Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra.

Nhiệm vụ thu 6 tháng cuối năm: 3.760 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 450 tỷ đồng, cả năm tăng 850 tỷ đồng so với DT (6 tháng đầu năm đã vượt 400 tỷ đồng) chủ yếu ở NS cấp huyện, xã.

- Các khoản thuế, phí, thu khác cân đối NS: 2.760 tỷ đồng, tăng so với DT: 390 tỷ đồng (bao gồm 3 cấp ngân sách).

- Thu Xuất nhập khẩu: 550 tỷ đồng, cả năm tăng 910 tỷ đồng so với dự toán.

2. Tổng chi NSNN 6 tháng cuối năm: 11.028 tỷ đồng.

II. GIẢI PHÁP HOÀN THÀNH DỰ TOÁN NĂM 2015:

Nhóm 1: Tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển, tăng thêm năng lực sản xuất mới, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu vững chắc, lâu dài cho NSNN:

1.1. Rà soát, làm việc với các doanh nghiệp có sản lượng sản phẩm công nghiệp đạt thấp so với kế hoạch (thuốc lá, bia, mía đường, xi măng BS...); các dự án công nghiệp triển khai thực hiện chậm để nắm bắt nguyên nhân, có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, thuế, đất đai, đăng ký kinh doanh tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

1.2. Tiếp tục theo dõi, nắm vững diễn biến tình hình giá cả, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn được tiếp cận nguồn vốn với lãi suất phù hợp để phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh.

1.3. Các ngành, các cấp rà soát, thống kê, phân loại nợ XDCB của các công trình được đầu tư từ vốn NSNN, vốn trái phiếu chính phủ. Sắp xếp nguồn vốn, trả nợ cho từng công trình, để các doanh nghiệp nộp thuế, trả nợ ngân hàng và phát triển sản xuất kinh doanh. Tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn về vốn, mặt bằng, để các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai, đặc biệt là các dự án trọng điểm như: dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, các dự án Xi măng Long Sơn, Thủy điện Hồi Xuân, đường Tây Thanh Hóa liên quan đến dự án Thủy điện Trung Sơn, đường vành đai phía Tây thành phố TH...

1.4. Thực hiện tốt Chương trình xúc tiến thương mại năm 2015. Tăng cường công tác vận động, xúc tiến thương mại và du lịch, trọng tâm là công tác xúc tiến du lịch để tranh thủ sự lan tỏa của Năm Du lịch Quốc gia 2015; tranh thủ vận động tài trợ, thu hút đầu tư và tình, mở ra triển vọng hợp tác kinh tế, đầu tư trong thời gian tới.

Nhóm 2: Tích cực chống thất thu, thu đúng, thu đủ các khoản thu phát sinh phần đầu hoàn thành vượt dự toán thu NSNN:

2.1. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thu, cơ quan tài chính và các lực lượng chức năng trong công tác quản lý thu NSNN, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, chuyển giá, trốn thuế. Trong đó, tập trung rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào NSNN; phân tích, đánh giá những nhân tố ảnh hưởng làm tăng, giảm nguồn thu đối với từng lĩnh vực, từng sắc thuế, từng doanh nghiệp; đề ra biện pháp quản lý thu có hiệu quả đảm bảo hoàn thành và vượt mức dự toán thu ngân sách Tỉnh trên từng lĩnh vực thu.

2.2. Đôn đốc các khoản phải thu theo kết luận kiểm toán, thanh tra. Cục thuế, thanh tra tỉnh công khai kết quả thanh tra, kiểm tra thuế để nâng cao tính giáo dục, răn đe trong chấp hành luật thuế, đẩy mạnh công tác phòng, chống gian lận thương mại, chuyển giá, gian lận giá nhập khẩu và buôn lậu qua biên giới.

2.3. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt việc khấu trừ 2% tiền thuế GTGT đối với các công trình XDCB sử dụng vốn ngân sách, dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT.

2.4. Rà soát, phân loại nợ thuế; tổ chức thu hồi kịp thời tiền nợ thuế của người nộp thuế, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để thực hiện cưỡng chế thuế theo đúng quy định của pháp luật; tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý dứt điểm các khoản nợ không có khả năng thu, hạn chế nợ mới phát sinh, huy động kịp thời vào NSNN; phần đầu tỷ lệ nợ đến 31/12/2015 so với số thực hiện thu không quá 5% (trừ các khoản nợ không còn đối tượng để thu, nợ điều chỉnh).

Nhóm 3: Khai thác có hiệu quả nguồn thu từ đấu giá quyền SDD và quản lý tốt nguồn thu tiền thuê đất, giao đất thu tiền 1 lần của các dự án SXKD:

3.1. Làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch đấu giá quyền SDD, xác định kỹ các dự án đấu giá, đảm bảo tính khả thi cao; Lựa chọn dự án, tập trung GPMB và đầu tư hạ tầng đồng bộ, dứt điểm từng dự án để tăng giá trị đất, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong công tác GPMB; đảm bảo giao đất sạch, có hạ tầng cho nhà đầu tư theo đúng thời gian cam kết.

Với những dự án đã đủ điều kiện để tổ chức đấu giá: Khẩn trương lập kế hoạch đấu giá để thực hiện. Với những MBQH lớn, khó khăn trong việc lựa chọn nhà đầu tư đủ năng lực: Thực hiện chia MBQH thành các khu đất theo lô, chức năng quy hoạch để tổ chức đấu giá.

3.2. Rà soát công nợ và tiếp tục làm tốt các giải pháp thu tiền nợ đọng; tạm dừng chưa cho các tổ chức cá nhân còn nợ tiền nộp ngân sách tham gia đấu giá đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, đấu thầu cấp quyền khai thác khoáng sản, đấu thầu các dự án sử dụng vốn NSNN, TPCP. Đối với các dự án còn vướng về ĐHTT, cần chỉ đạo sát sao, làm việc cụ thể với nhà đầu tư, có cam kết về tiến độ đầu tư hạ tầng và tiến độ nộp TSD đất, có phương án xử lý dứt điểm đối với các dự án không có khả năng thu hồi.

3.3. Đối với các dự án nhà đầu tư được UBND tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất, nhưng tiến độ nộp tiền sử dụng đất là quá chậm, để nợ đọng tiền sử dụng đất kéo dài, năng lực tài chính của các nhà đầu tư hạn chế không có khả năng nộp tiền và khả năng đầu tư: Thực hiện thu hồi đất để giao cho các nhà đầu tư khác có năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh để phát triển sản xuất kinh doanh mang lại nguồn thu cho tỉnh.

Nhóm 4: Điều hành ngân sách chủ động, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm đảm bảo cân đối ngân sách

4.1. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển, nhất là đối với nguồn vốn đầu tư từ NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công; cắt giảm tối đa và công khai các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình và đi công tác nước ngoài từ NSNN.

4.2. Các ngành, các cấp rà soát lại các nhiệm vụ chi và các khoản chưa phân bổ, dừng thực hiện và hủy bỏ đối với các khoản kinh phí mua sắm, sửa chữa đã bố trí trong DT ngân sách giao đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2015 chưa được phê duyệt dự toán, chưa thực hiện bất kỳ công việc nào của công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật.

4.3. Các ngành, các cấp chủ động đề ra các giải pháp nhằm hoàn thành và vượt dự toán thu NSNN năm 2015 để đảm bảo dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền thông qua. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo vốn ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.

4.4. Thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, chính sách văn hóa, xã hội trên địa bàn để kịp thời nắm bắt những tồn tại vướng mắc. Qua đó, xây dựng sửa đổi, bổ sung để ban hành mới phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

4.5. Tổ chức điều hành chi NSNN theo nguyên tắc quản lý chặt chẽ, trước mắt điều hành sử dụng trong phạm vi 50% nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí

trong dự toán của từng cấp để xử lý các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, như phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, quốc phòng, an ninh...; 50% nguồn dự phòng ngân sách còn lại tạm giữ lại để chủ động xử lý khi nguồn thu NSNN giảm lớn.

4.6. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như: Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách Nhà nước năm 2015, Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 29/5/2015 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2016, Các Chỉ thị và văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh như: Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 22/5/2015 về tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công trên địa bàn tỉnh, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 25/5/2015 về việc tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4056/UBND-KTTC ngày 05/5/2015 về Tăng cường điều hành dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015.

4.7. Xây dựng dự toán thu chi NSDP năm 2016 trên cơ sở:

- Dự toán thu NSNN năm 2016 phải được xây dựng tích cực và đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2015, dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh có tính đến các tác động trong và ngoài nước trong tình hình mới. Dự toán thu nội địa phần đầu tăng bình quân tối thiểu từ 15% trở lên so với đánh giá ước thực hiện năm 2015 (loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động XNK phần đầu tăng bình quân tối thiểu 6-8% so với đánh giá ước thực hiện năm 2015.

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trình cấp có thẩm quyền.

- Dự toán chi thường xuyên 2016 tiếp tục ổn định theo định mức phân bổ chi thường xuyên và các chính sách, chế độ, định mức hiện hành; ưu tiên bố trí chi ngân sách cho các chính sách, chế độ mới do tỉnh ban hành trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện dự toán năm 2015./.

UBND TỈNH THANH HÓA

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN TỈNH THANH HOÁ NĂM 2015
(Kèm theo báo cáo ngày 13 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	DT thu 2015		Ước thu NSNN 6 tháng					So Sánh 6 tháng			UTH năm 2015	So sánh UTH cả năm	
		TW giao	Tỉnh giao	Tổng	Phân chia				UTH/DT TƯ giao	UTH/DT tỉnh giao	Ước TH/ cùng kỳ		UTH/DT TƯ giao	UTH/DT tỉnh giao
					NSTW	NSDP	Phân chia							
							NS cấp tỉnh	NS cấp H, X						
	Tổng thu NSNN (A+B)	7.003.000	7.003.000	5.396.448	906.156	4.490.292	2.786.457	1.703.835	77%	77%	147%	9.156.000	131%	131%
A	Thu nội địa (I+II)	6.513.000	6.513.000	4.546.448	56.156	4.490.292	2.786.457	1.703.835	70%	70%	132%	7.756.000	119%	119%
I	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000	1.000.000	1.400.000		1.400.000	408.000	992.000	140%	140%	167%	1.850.000	185%	185%
II	Thu N.địa đã trừ TSD đất	5.513.000	5.513.000	3.146.448	56.156	3.090.292	2.378.457	711.835	57%	57%	120%	5.906.000	107%	107%
1	Thu từ DN nhà nước TW	1.440.000	1.440.000	662.203		662.203	622.350	39.853	46%	46%	109%	1.297.000	90%	90%
2	Thu từ DN nhà nước ĐP	160.000	160.000	71.672	-	71.672	67.359	4.313	45%	45%	93%	150.000	94%	94%
3	Thu từ DN có vốn ĐT N.ngoài	1.693.000	1.693.000	998.399		998.399	996.190	2.209	59%	59%	107%	1.518.000	90%	90%
4	Thu thuế CTN&DV NQD	1.030.000	1.030.000	556.291	-	556.291	237.222	319.069	54%	54%	119%	1.030.000	100%	100%
5	Thuế thu nhập cá nhân	250.000	250.000	234.981	-	234.981	174.453	60.528	94%	94%	173%	450.000	180%	180%
6	Thuế SD đất phi NN	40.000	40.000	16.792	-	16.792	2.716	14.076	42%	42%	118%	40.500	101%	101%
7	Tiền thuế mặt đất mặt nước	40.000	40.000	56.315		56.315	22.521	33.794	141%	141%	324%	200.000	500%	500%
8	Lệ phí trước bạ	325.000	325.000	207.131	-	207.131	32.376	174.755	64%	64%	145%	350.000	108%	108%
9	Thu phí, lệ phí	90.000	90.000	44.353	8.244	36.109	8.275	27.834	49%	49%	128%	90.000	100%	100%
10	Thu khác NS	175.000	175.000	126.085	47.912	78.173	60.905	17.268	72%	72%	154%	210.500	120%	120%
11	Thu tại xã	120.000	120.000	18.135	-	18.135	-	18.135	15%	15%	73%	120.000	100%	100%
12	Thuế bảo vệ môi trường	150.000	150.000	154.091		154.091	154.091	-	103%	103%	214%	450.000	300%	300%
B	Thu từ hoạt động XN khẩu	490.000	490.000	850.000	850.000				173%	173%	381%	1.400.000	286%	286%
1	Thuế XNK, TTĐB hàng NK, BVMT hàng NK	180.000	180.000	347.000	347.000				193%	193%	312%	550.000		306%
2	Thuế VAT hàng nhập khẩu	310.000	310.000	503.000	503.000				162%	162%	450%	850.000		274%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NSDP NĂM 2015 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, TP
(Kèm theo báo cáo ngày 13 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước								SS ước TH/DT(%)		Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	Trong đó			ước thực hiện 6 tháng	Trong đó			Tổng thu NSNN	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDB	Dự toán NSHX tính giao	Ước thực hiện chi NS huyện 6 tháng	SS ước TH/DT (%)
			Thu tiền SDB	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10	11	12	13
	Tổng số	2.423.682	995.000	1.308.682	120.000	2.221.064	1.400.000	799.596	21.468	92%	57%	11.022.879	6.470.021	59%
1	TP. Thanh Hóa	1.003.183	510.000	484.183	9.000	785.930	542.000	241.430	2.500	78%	49%	1.114.058	696.200	62%
2	TX. Sầm Sơn	88.527	40.000	47.527	1.000	34.394	13.000	20.494	900	39%	44%	188.091	95.250	51%
3	TX. Bìn Sơn	120.770	15.000	103.270	2.500	86.750	15.000	69.950	1.800	72%	68%	167.406	90.250	54%
4	H. Hà Trung	58.056	21.600	29.456	7.000	82.901	42.000	39.951	950	143%	112%	330.183	190.250	58%
5	H. Nga Sơn	99.319	50.000	43.819	5.500	87.461	60.000	26.611	850	88%	56%	399.728	240.320	60%
6	H. Hậu Lộc	58.266	30.000	23.266	5.000	50.254	30.000	19.716	538	86%	72%	440.641	260.180	59%
7	H. Hoằng Hóa	88.604	35.000	42.604	11.000	179.063	150.000	27.863	1.200	202%	54%	580.235	320.210	55%
8	Quảng Xương	102.340	50.000	46.840	5.500	158.192	130.000	27.784	408	155%	54%	568.103	310.300	55%
9	H. Tĩnh Gia	124.746	45.000	74.246	5.500	142.452	90.000	51.802	650	114%	66%	619.951	350.250	56%
10	Nâng Công	47.540	15.000	27.040	5.500	50.808	32.000	17.458	1.350	107%	58%	406.473	250.500	62%
11	H. Đông Sơn	55.567	25.000	27.067	3.500	50.133	32.000	18.013	120	90%	59%	238.919	150.300	63%
12	H. Triệu Sơn	46.950	10.000	30.450	6.500	60.808	35.000	24.358	1.450	130%	70%	465.460	280.150	60%
13	H. Thọ Xuân	79.482	25.000	41.482	13.000	85.786	60.000	22.636	3.150	108%	47%	566.181	340.250	60%
14	H. Yên Định	90.085	30.000	46.585	13.500	97.397	68.000	28.377	1.020	108%	49%	422.243	250.400	59%
15	H. Thiệu Hóa	70.635	35.000	28.635	7.000	46.964	30.000	16.114	850	66%	48%	377.174	215.520	57%
16	H. Vĩnh Lộc	26.626	10.000	13.626	3.000	29.670	19.000	10.525	145	111%	64%	267.112	156.250	58%
17	Thạch Thành	35.802	10.000	20.802	5.000	34.714	20.000	14.214	500	97%	57%	448.179	265.200	59%
18	H. Cẩm Thủy	33.599	10.000	18.599	5.000	25.678	10.000	14.368	1.310	76%	66%	343.916	198.000	58%
19	H. Ngọc Lặc	39.044	10.000	26.044	3.000	31.550	12.000	19.000	550	81%	67%	461.572	280.500	61%
20	H. Lang Chánh	6.858		6.828	30	4.520	0	4.520		66%	66%	375.535	224.541	60%
21	H. Bá Thước	20.920	2.000	18.420	500	12.643	500	12.093	50	60%	64%	249.739	150.520	60%
22	H. Quan Hóa	12.752		12.702	50	9.607	0	9.607		75%	75%	441.979	260.520	59%
23	Thường Xuân	37.451	3.000	34.401	50	21.650	2.500	19.150		58%	56%	290.145	168.800	58%
24	H. Như Xuân	25.947	3.000	22.447	500	15.812	1.200	14.462	150	61%	64%	431.871	248.820	58%
25	H. Như Thanh	32.495	10.000	21.495	1.000	20.140	5.500	14.390	250	62%	65%	335.454	180.520	54%
26	H. Mường Lát	6.620		6.590	30	4.750	250	4.500		72%	68%	213.203	130.500	61%
27	H. Quan Sơn	11.498	400	10.258	840	11.037	50	10.210	777	96%	99%	279.328	165.520	59%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2015

(Kèm theo báo cáo ngày 13 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính : triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng nguồn năm 2015	Dự toán			Ước thực hiện tháng 6	Lũy kế 6 tháng	Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm	So sánh	
			Dự toán đầu năm	TW bổ sung	Nguồn 2014 chuyển sang				UTH/DT đầu năm	UTH/tổng nguồn
	Tổng chi NSDP	22.113.239	20.306.640	685.136	1.121.463	2.563.799	11.084.751	11.028.488	55%	50%
I	Chi đầu tư phát triển	3.075.260	3.075.260			207.489	1.779.953	1.295.307	58%	58%
I	Chi XDCB từ nguồn cân đối NSDP	1.559.600	1.559.600			86.369	1.050.969	508.631	67%	67%
a	Chi ĐTXDCB tập trung (vốn trong nước)	501.000	501.000			30.060	330.660	170.340	66%	66%
b	Chi ĐT từ nguồn cấp quyền sử dụng đất	1.000.000	1.000.000			40.320	704.320	295.680	70%	70%
-	Chi ĐTXDCB	840.000	840.000			40.320	544.320	295.680	65%	65%
-	Chi bổ sung quỹ phát triển đất	70.000	70.000				70.000		100%	100%
-	Trả nợ NHPT	90.000	90.000				90.000		100%	100%
c	Chi trả nợ NHPT từ nguồn thu nợ cấp huyện	58.600	58.600			15.989	15.989	42.611	27%	27%
2	Chi hỗ trợ các DN cung cấp SP công ích	5.000	5.000			267	3.867	1.133	77%	77%
3	Vốn đầu tư TW bổ sung có mục tiêu	1.510.660	1.510.660			120.853	725.117	785.543	48%	48%
II	Chi Thường xuyên	16.752.424	15.749.478	685.136	317.810	2.266.729	8.788.239	7.964.185	56%	52%
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	1.653.057	1.519.865	124.378	8.814	289.017	949.939	703.118	63%	57%
2	Sự nghiệp môi trường	288.373	288.373			26.231	147.677	140.696	51%	51%
3	Chi SN Giáo dục - Đào tạo dạy nghề	7.527.177	7.278.354	2.400	246.423	1.022.067	3.931.883	3.595.294	54%	52%
4	Chi SN Y Tế	1.584.750	1.524.158	14.330	46.262	131.597	801.246	783.504	53%	51%
5	SN KH công nghệ	45.960	45.960			1.662	20.694	25.266	45%	45%
6	Chi SN VH TT	192.176	192.176			25.304	105.520	86.656	55%	55%
7	Chi SN thể dục thể thao	68.915	68.915			12.410	41.154	27.761	60%	60%
8	Chi SN phát thanh TH	63.429	63.429			8.204	32.133	31.296	51%	51%
9	Chi SN đảm bảo XH	1.456.958	899.947	544.028	12.983	225.527	623.238	833.720	69%	43%
10	Chi quản lý hành chính	3.016.124	3.016.124			469.817	1.706.804	1.309.320	57%	57%
11	Chi quốc phòng địa phương	280.374	280.374			31.105	145.794	134.580	52%	52%
12	Chi an ninh địa phương	135.705	135.705			11.309	67.853	67.853	50%	50%
13	Chi khác NS	32.426	29.098		3.328	12.180	13.255	19.171	46%	41%
14	Chi trả nợ gốc và lãi vay KBNN	407.000	407.000			300	201.050	205.950	49%	49%
III	Bổ sung quỹ DTTC	3.230	3.230				3.230		100%	100%